

Bản án số: **20/2020/DS-ST**  
Ngày **12** tháng **5** năm 2020  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Diệu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Xươngne
2. Bà Lưu Thị Tám

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Xuân Mai, Kiểm sát viên

Ngày **12** tháng **5** năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thụ lý số 295/2019/TLST-DS, ngày 04/12/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXXST-DS, ngày 30/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2020/QĐST-DS, ngày 22 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bùi Văn X, sinh năm 1953; địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

2. *Bị đơn:* Trương Thị Ánh M, địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

**NỘI DUNG VỤ ÁN :**

**Trong đơn khởi kiện ngày 09/10/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Bùi Văn X trình bày:**

Vào ngày 06/8/2017 âm lịch ông có cho bà Trương Thị Ánh M vay 15.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 8%/tháng, khi vay bà M cam kết đến ngày 06/12/2017 âm lịch sẽ trả số vốn vay và có bà Ngô Thị N ký bảo lãnh. Nhưng sau khi vay bà M chỉ đóng lãi được 02 tháng, đến hạn bà M không trả số vốn vay ông X có đòi nhưng bà M không trả.

Nay ông X yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Thị Ánh M và bà Ngô Thị N trả cho ông số vốn vay là 15.000.000 đồng và tiền lãi 17.000.000 đồng. Tổng cộng là 32.000.000 đồng.

Trong đơn khởi kiện ban đầu, ông X yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M và bà N trả số tiền 32.000.000 đồng bao gồm vốn gốc 15.000.000 đồng và tiền lãi 17.000.000 đồng; nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông X đã rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ khởi kiện đối với bà M, không khởi kiện đối với bà N và chỉ yêu cầu trả vốn gốc (15.000.000 đồng), không yêu cầu tính lãi.

### **Bị đơn Trương Thị Ánh M trình bày:**

Bà M thừa nhận trước đây vào khoảng năm 2017 bà có vay nợ của ông Bùi Văn X số tiền 15.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 8%/tháng, bà M đã đóng lãi được khoảng 01 năm thì ngưng nên ông X mới đi kiện. Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông X thì bà M đồng ý trả vốn gốc là 15.000.000 đồng, còn tiền lãi thì bà cho rằng do đã đóng nhiều rồi nên xin ông X không tính lãi nữa. Bà M cũng cho biết sự việc này không có liên quan đến bà Ngô Thị N và cá nhân bà M sẽ chịu trách nhiệm khoản nợ vay này. Nhưng hiện nay hoàn cảnh kinh tế của bà đang khó khăn nên xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả cho ông X 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền 15.000.000 đồng.

**Ý kiến của Viện Kiểm sát:** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện để buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 15.000.000 đồng; áp dụng Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ phần yêu cầu đã rút của nguyên đơn đối với việc không khởi kiện bà Ngô Thị N và không yêu cầu tính lãi số tiền 17.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

[1] Bà Trương Thị Ánh M là bị đơn trong vụ án vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bà Ngô Thị N trước đây Tòa án xác định là bị đơn trong vụ án vì bà N là người bị nguyên đơn khởi kiện (cùng với bà M là người bị kiện), nhưng sau đó nguyên đơn đã rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà N, được Tòa án chấp nhận nên bà N không còn là bị đơn trong vụ án nữa.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trong đơn khởi kiện ban đầu, ông X đòi các bị đơn là bà M và bà N trả số tiền vay vốn gốc là 15.000.000 đồng và tiền lãi là 17.000.000 đồng; nhưng sau đó, ông X đã rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là không khởi kiện đối với bà N và không yêu cầu đòi khoản tiền lãi 17.000.000 đồng; xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện theo đơn đề ngày 22/4/2020 của ông X đã được xác nhận tại phiên tòa là do ông hoàn toàn tự nguyện, không có sự đe dọa hoặc ép buộc, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận để đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút, theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện còn lại là việc nguyên đơn (ông X) đòi bị đơn (bà M) trả khoản tiền nợ vay vốn gốc là 15.000.000 đồng, đã được bị đơn (bà M) thừa nhận còn nợ số tiền này và bà M có yêu cầu trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 500.000 đồng cho ông X cho đến khi hết số tiền 15.000.000 đồng, nhưng vụ việc không tiến hành hòa giải được do bà M đề nghị không tiến hành hòa giải. Tại phiên tòa, ông X cũng không đồng ý việc xin trả dần của bà M. Xét thấy sự thừa nhận của bà M còn nợ ông X số tiền 15.000.000 đồng, đúng với yêu cầu khởi kiện của ông X nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông X để buộc bà M có nghĩa vụ trả số tiền 15.000.000 đồng cho ông X, còn về thời gian trả và yêu cầu trả dần sẽ thuộc thẩm quyền giải quyết ở giai đoạn thi hành án.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH :**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 244, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280; 357; 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự,

#### **Tuyên xử:**

**1.** Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút, về việc đòi bị đơn trả khoản tiền lãi 17.000.000 đồng và không khởi kiện đối với bà Ngô Thị N.

**2.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Trương Thị Ánh M trả cho ông Bùi Văn X số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**3.** Về án phí: Bà Trương Thị Ánh M phải chịu 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

**4.** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Diệu**